

ĐỀ SỐ 1

Câu 1: (1 điểm)

$72 : 8 =$

$64 : 8 =$

$8 \times 8 =$

$9 \times 7 =$

$9 \times 4 =$

$54 : 6 =$

$81 : 9 =$

$8 \times 5 =$

$80 : 8 =$

$90 : 9 =$

Câu 2: (2 điểm)

- Đặt tính rồi tính:

93 x 8	402 x 2	47 x 9	210 x 4	162 x 4
.....				
.....				
.....				
.....				
.....				

- Tính:

$$\begin{array}{r} 489 \\ \times 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 643 \\ \times 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 521 \\ \times 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 300 \\ \times 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 852 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

Câu 3: (1 điểm)

Tính giá trị của biểu thức:

• $(169 - 82) \times 6$

b) $89 + 648 : 4$

.....

.....

.....

.....

Câu 4: (2 điểm)

Viết vào ô trống:

Số lớn	2	4	3	7	4
	8	2	6	0	0
Số bé	4	2	9	7	5
Số lớn gấp mấy lần số bé?					
Số bé bằng một phần mấy số lớn?					

Câu 5: (1 điểm)

>		403g 430g		865g + 135g 1kg
<	?			
=		67g + 128g 212g		291g + 632g - 75g 846g

Câu 6: (1 điểm)

Cô giáo có 80 quyển vở. Cô lấy ra 5 quyển để làm sổ sách. Số vở còn lại cô chia đều cho 3 bạn học sinh nghèo của lớp. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu quyển vở

.....

.....

.....

.....

Câu 7: (1 điểm)

Tính x:

• $x : 7 = 56 \times 2$

b) $x : 8 = 348 : 4$

.....

.....

.....

.....

Câu 8: (1 điểm)

- Có bao nhiêu số có ba chữ số giống nhau?

•

- Tìm số liền sau của số có ba chữ số lớn nhất?

•

- Điền số tròn trăm vào ô trống: $629 < \quad < 748$

•

- Hãy viết số có 5 đơn vị, 4 trăm, 8 chục.

•



ĐỀ SỐ 2

Câu 1: (2 điểm)

- Đặt tính rồi tính:

236 x 4	32 x 9	327 x 3	118 x 6
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

- Tính:

$$\begin{array}{r} 981 \overline{) 3} \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 512 \overline{) 8} \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 888 \overline{) 4} \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 198 \overline{) 9} \\ \hline \end{array}$$

Câu 2: (2 điểm)

Nối biểu thức với giá trị của nó:

$492 - (76 + 38)$		72 3
$72 : 9 + 18$		26
$964 : 4 \times 3$		37 8
$70 \times 9 : 2$		10 9

$89 + 10 \times 2$		31
		5

Câu 3: (1 điểm)

+ - x ÷		a)	84 0		4		$2 = 105$
	?	b)	42		6		$3 = 249$
		c)	30 9		3		$9 = 112$

Câu 4: (1 điểm)

Một hình chữ nhật có chu vi là 824cm, chiều dài là 251cm. Tính:

- Nửa chu vi hình chữ nhật.
-
- Chiều rộng hình chữ nhật.
-

Câu 5: (1 điểm)

Số ?

Số bị chia	48	87	96	59	60
	2	7	4	4	8

Số chia					
Thương					
Số dư					

Câu 6: (1 điểm)

Tính:

$$65g \times 2 - 12g =$$

$$981g : 9 + 57g =$$

.....

$$47kg + 92kg - 27kg =$$

$$944kg : 4 \times 2 =$$

.....

Câu 7: (1 điểm)

- Số lớn là 54; số bé là 6.

- b) Số lớn là 42; số bé là 3.

Số lớn gấp lần số bé.

Số lớn gấp lần số bé.

Số bé bằng số lớn.

Số bé bằng số lớn.

Câu 8: (1 điểm)

		a)	$72 : 6 \times 8 = 96$			c)	$90 \times 2 \times 4 = 368$	
Đ	?							
S		b)	$339 \times 2 : 6 = 113$			d)	$218 - 106 \times 5 = 560$	

ĐỀ SỐ 3

Câu 1: (2 điểm)

- Tính:



$$\begin{array}{r} 222 \\ \times 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 309 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 76 \\ \times 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ \times 9 \\ \hline \end{array}$$

- Đặt tính rồi tính:

$$288 : 8$$

$$444 : 4$$

$$230 : 6$$

$$527 : 9$$

.....

.....

.....

.....

Câu 2: (1 điểm)

Tính giá trị biểu thức:

- $93 - 48 : 8$

- b) $69 + 20 \times 4$

-

Câu 3: (1 điểm)

Nội bài toán tìm x với giá trị đúng của x :

$$2 \times x = 648$$

$$x = 279$$

$$x : 4 = 221$$

$$x = 324$$

$$x + 273 = 789$$

$$x = 884$$

$$642 - x = 363$$

$$x = 516$$

Câu 4: (2 điểm)

- Lan đọc một quyển truyện dài 132 trang, đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Hỏi Lan còn phải đọc bao nhiêu trang nữa thì hết quyển truyện?



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Một trường học có 8 thầy giáo. Số cô giáo nhiều gấp 7 lần số thầy giáo. Hỏi trường đó có tất cả bao nhiêu giáo viên?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5: (1 điểm)

>		$49 - 7 \times 7 \dots\dots 13 - 13$		$36 : 6 \times 7 \dots\dots 88 : 4$
<	?			
=		$40 : 5 \times 9 \dots\dots 59 + 14$		$7 \times 5 - 15 \dots\dots 90 : 9$

Câu 6: (1 điểm)

Số ?



• $1\text{kg} = \dots\dots\dots \text{g}$

c) $978\text{g} < \dots\dots\dots \text{kg}$

• $57\text{cm} = \dots\dots\dots \text{mm}$

d) $\dots\dots\dots \text{km} > 999\text{m}$

Câu 7: (1 điểm)

Viết vào chỗ chấm:

- Bao lúa 72kg cân nặng gấp lần bao lúa 9kg.
- Băng giấy 32m dài gấp lần băng giấy 8m.
- Thùng dầu 45 lít nặng gấp lần thùng dầu 9 lít.
- Sợi dây 60dm dài gấp lần sợi dây 3dm.

Câu 8: (1 điểm)

Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng.

Một hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 68dm. Chu vi hình chữ nhật đó là:

- 218dm
- B. 436dm
- C. 364dm
- D. 83m

ĐỀ SỐ 4

Câu 1: (2 điểm)

- Đặt tính rồi tính:

106×6

85×7

419×2

68×5

.....

.....

.....

- Tính:

$912 \overline{) 4}$

$800 \overline{) 5}$

$842 \overline{) 7}$

$243 \overline{) 6}$

Câu 2: (1 điểm)

Nối biểu thức với giá trị của nó.

$48 - 45 : 9$

57

$18 + 72 : 9$

246

$798 : 7 : 2$

43

$123 \times (42 - 40)$

26

Câu 3: (1 điểm)

Viết vào chỗ chấm.

○	○	
□	□	□
□	□	□

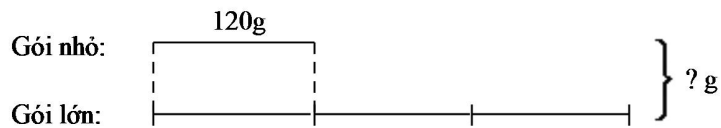
Số hình tròn bằng số hình vuông

Câu 4: (1 điểm)

>		$75 - (15 - 8)$		59		$64 : 4 \times 2$		9×3
<	?							
=		$10 \times 8 + 20$		$800 : 8$		$54 - 6 \times 9$		$7 : 7$

Câu 5: (2 điểm)

- Dựa vào tóm tắt, để giải bài toán sau:



- Hôm qua cửa hàng bán được 514 lít dầu, hôm nay cửa hàng bán ít hơn hôm qua 36 lít. Hỏi cả hai ngày, cửa hàng đã bán được bao nhiêu lít dầu?

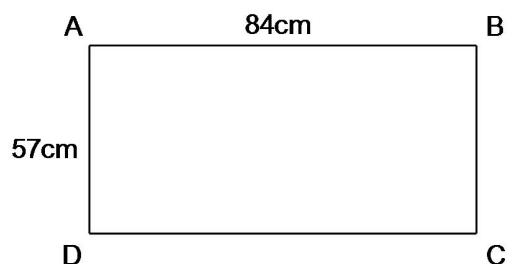
Câu 6: (1 điểm)

Số ?

9 x		= 81		8 x 2 x		= 32
54 :		= 6		160 :		= 5
				6 :		

Câu 7: (1 điểm)

Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Chu vi hình chữ nhật ABCD là cm.

Câu 8: (1 điểm)

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cường và Tuấn cùng làm một bài toán. Cường làm hết $\frac{1}{5}$ giờ. Tuấn làm hết 12 phút. Vậy:

- Cường làm nhanh hơn.



- Tuấn làm nhanh hơn.
- Cường và Tuấn làm bằng nhau.

ĐỀ SỐ 5

Câu 1: (1 điểm)

Tính:

- $8 \times 3 + 9 = \dots = \dots$
- $7 \times 9 - 38 = \dots = \dots$
- c) $10 \times 8 : 4 = \dots = \dots$
- d) $9 \times 6 : 3 = \dots = \dots$

Câu 2: (2 điểm)

- Đặt tính rồi tính:

$$134 : 2$$

$$872 : 8$$

$$622 : 3$$

$$407 : 4$$

.....

.....

.....

- Tính:

$$\begin{array}{r} 326 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

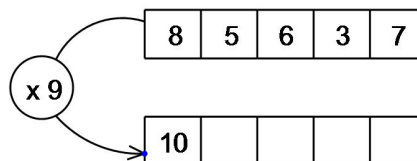
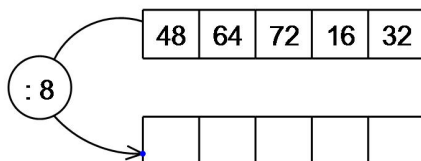
$$\begin{array}{r} 196 \\ \times 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 230 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 101 \\ \times 9 \\ \hline \end{array}$$

Câu 3: (1 điểm)

Viết số thích hợp vào ô trống.



Câu 4: (1 điểm)

Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



$$\dots\dots g = 1\text{kg}$$

$$450\text{m} = \dots\dots \text{dam}$$

$$8\text{hm} = \dots\dots \text{dam} = \dots\dots \text{m}$$

$$609\text{cm} = \dots\dots \text{m} \dots\dots \text{cm}$$

Câu 5: (1 điểm)

Tính giá trị của biểu thức:

• $(639 - 453) : 3$

b) $72 : (8 : 2)$

.....
.....

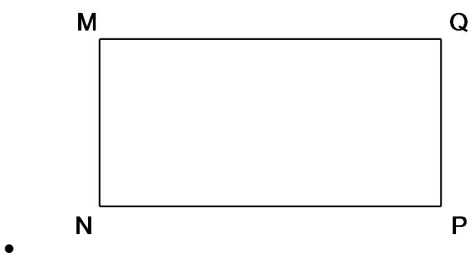
Câu 6: (1 điểm)

Ở một cửa hàng có 452m vải xanh và số mét vải đỏ bằng $\frac{1}{4}$ số mét vải xanh. Hỏi cửa hàng đó có tất cả bao nhiêu mét vải xanh và vải đỏ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 7: (2 điểm)

Đo rồi điền kết quả vào chỗ chấm.



- Hình chữ nhật MNPQ có:

..... góc vuông

Cạnh MN = cm

Cạnh NP = cm

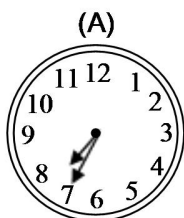
Cạnh PQ = cm

Cạnh QM = cm

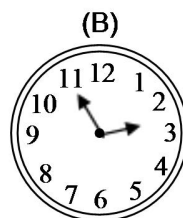
- Chu vi của hình chữ nhật MNPQ là

Câu 8: (1 điểm)

Đồng hồ chỉ mấy giờ?



..... giờ phút hay
..... giờ kém phút



..... giờ kém phút hay
..... giờ phút

Tham khảo thêm tài liệu:

<https://vndoc.com/de-thi-hoc-ki-1-lop-3>